

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020

Quảng Ninh, tháng 4 năm 2020

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020

Quảng Ninh, tháng 4 năm 2020

**DANH MỤC
TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN**

TT	TÊN TÀI LIỆU	TRANG
1	Danh mục tài liệu	01
2	Chương trình Đại hội	02 ÷ 03
3	Dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội	04 ÷ 06
4	Báo cáo kết quả SXKD năm 2019, Kế hoạch SXKD 2020	07 ÷ 34
5	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019	35 ÷ 41
6	Báo cáo thẩm tra báo cáo tài chính năm 2019	42 ÷ 45
7	Báo cáo của BKS về hoạt động quản lý của HĐQT và ban Giám đốc	46 ÷ 55
8	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán	56 ÷ 57
9	Bảng cân đối kế toán tóm tắt	58 ÷ 59
10	Tờ trình Phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2019	60
11	Tờ trình phân phối thù lao 2019 và kế hoạch thù lao 2020	61 ÷ 63
12	Tờ trình thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh	64
13	Thông báo thay đổi cổ đông lớn của CTT (VMC)	65



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 789 /CTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 3 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

Từ: 8h00 ngày 17/4/2020

TT	Nội dung	Người thực hiện
1	Đăng ký cổ đông, phát thẻ biểu quyết	Ông Nguyễn Quang Huy TP. TC-HC
2	Ôn định tổ chức, Chào cờ hát quốc ca	Ông Nguyễn Quang Huy TP. TC-HC
3	Đọc lời khai mạc Đại hội và giới thiệu đại biểu	Ông Nguyễn Quang Huy TP. TC-HC
4	Mời Chủ tọa lên điều hành Đại hội	Ông Nguyễn Quang Huy TP. TC-HC
5	Đề cử Ông Phạm Minh Tuấn đồng Chủ tọa điều hành Đại hội	
6	Cử Thư ký Đại hội, tổ giúp việc thư ký và đề cử Ban kiểm tra tư cách cổ đông.	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
8	Trình bày Quy chế, chương trình làm việc của Đại hội.	Ông Nguyễn Quang Huy TP. TC-HC
9	Biểu quyết thông qua Quy chế, chương trình Đại hội.	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
10	Ban thẩm tra tư cách Cổ đông đọc báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.	Ban Kiểm tra tư cách CĐ
11	Trình bày Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020.	Ông Phạm Minh Tuấn, TV HĐQT- GD Công ty
12	Trình bày Báo cáo công tác quản trị của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý năm 2019,	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
13	Trình bày Báo cáo thẩm định báo cáo Tài chính năm 2019 đã được kiểm toán .	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát
14	Trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc; Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát
15	Trình bày Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát

	năm 2020 của Công ty.	
16	Trình bày Bảng cân đối kê toán tóm tắt; Tờ trình phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2019.	Bà Phạm Thu Hương; Kế toán trưởng
17	Trình bày Tờ trình phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2019.	Bà Phạm Thu Hương; Kế toán trưởng
18	Trình bày Tờ trình phân phối thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019, kế hoạch phân phối thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020.	Bà Phạm Thu Hương; Kế toán trưởng
19	Trình bày Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
20	Trình bày thông báo về ngày trở thành cổ đông lớn của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Hải Đăng và ngày không còn là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải phòng đối với Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.	Ông Phạm Minh Tuấn, TV HĐQT- GD Công ty
21	Thảo luận của các cổ đông về các nội dung do HĐQT, BKS và KTT trình bày	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
22	Ý kiến của Chủ tọa Đại hội về tiếp thu các ý kiến của các cổ đông	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
23	Biểu quyết thông qua các nội dung do HĐQT, BKS và KTT trình bày	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
24	Trình bày Dự thảo biên bản, nghị quyết Đại hội	Thư ký
25	Thảo luận và Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
26	Bế mạc Đại hội	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận

- Website: www.chetaomav.com.vn;
- Cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGD, KTT (e-copy);
- Lưu VT, T.ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tứ



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

QUY CHẾ

**Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN**

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông trước khi Đại hội phải gặp Ban kiểm tra tư cách cổ đông để nhận thẻ biểu quyết và vị trí ngồi. Ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do ban tổ chức quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp của Ban tổ chức.

2. Không mang các vật nguy hiểm, chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy và không hút thuốc lá trong phòng Đại hội

3. Trang phục đi dự Đại hội: Trang trọng, lịch sự, không được đi dép lê, đội mũ vào Đại hội.

4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các điện thoại di động phải tắt hoặc để ở chế độ im lặng.

5. Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19:

- Kiểm tra thân nhiệt 100% đại biểu tham dự và người tham gia các nhiệm vụ, phục vụ đại hội; khai báo tình trạng sức khỏe, nơi cư trú và khu vực đi qua trong vòng 14 ngày vào phiếu kiểm tra y tế của Bộ y tế gửi ban tổ chức Đại hội; không bố trí vào tham dự Đại hội đối với đại biểu, người tham dự có dấu hiệu nhiễm dịch bệnh, đồng thời báo cáo Ban chỉ đạo và cơ sở y tế để có biện pháp xử lý tiếp theo;

- Sát khuẩn tay bằng nước sát khuẩn;

- Đeo khẩu trang trong suốt quá trình Đại hội đồng cổ đông.

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt tham dự Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp 1 thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

2. Cách biểu quyết: Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết một vấn đề bằng thẻ các cổ đông đồng ý sẽ thực hiện giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội.

3. Thể lệ biểu quyết

Mỗi cổ phần sở hữu (hoặc đại diện) ứng với 1 đơn vị biểu quyết.

3.1. Đại hội cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội.

3.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn);
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- h) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty.

3.3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;
- b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp;
- d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;
- g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

3.4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua (trừ các nội dung quy định tại Mục 3.3) khi có từ 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3.5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu

Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào những trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình nghị sự đang diễn ra theo đúng chương trình nghị sự đã

được Đại hội thông qua. Chủ tọa sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, giải đáp các thắc mắc của các Cổ đông.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều hành Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong chương trình nghị sự và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình Đại hội

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ VÀ BỘ PHẬN GIÚP VIỆC

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được Cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

2. Soạn thảo Biên bản Đại hội, Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

Xác định kết quả biểu quyết của Cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội, nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký kết quả biểu quyết.

VII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN năm 2020. Mọi Cổ đông đến dự Đại hội phải tuân thủ sau khi Quy chế trên được Đại hội thông qua./.

Nơi nhận

- Website: www.chetaomay.com.vn;
- Cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGD, KTT (e-copy);
- Lưu VT, T.ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tú



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 780 /BC-VMC

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2020
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/4/2019 đã quyết nghị, Công ty đã triển khai đạt được các kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Thuận lợi

Công ty triển khai thực hiện kế hoạch năm 2019 trong điều kiện có những thuận lợi cơ bản:

- Về việc làm: Tập đoàn TKV sớm thông qua kế hoạch phối hợp kinh doanh và kế hoạch đầu tư; Các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc kế hoạch phối hợp kinh doanh tạo điều kiện cho Công ty nhận được các thiết bị vào sửa chữa tương đối đều ngay từ đầu năm; Công ty đã ký kết được các hợp đồng chế tạo phụ tùng, thiết bị với các nhà máy cán thép của Tập đoàn Hòa Phát, chế tạo thiết bị phụ tùng cho Dự án Nhà máy sàng tuyển Khe Chàm.

- Sự phối hợp chỉ đạo nhất quán của Đảng ủy, HĐQT; Sự phối hợp đồng bộ giữa Ban Giám đốc với các tổ chức đoàn thể quần chúng Công đoàn, Thanh niên, Hội cựu chiến binh tạo ra sức mạnh tổng hợp, khối đoàn kết thống nhất trong hệ thống chính trị, đồng thuận, tin tưởng của người lao động đã thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh và đời sống.

- Công ty ban hành các giải pháp điều hành, các biện pháp tiết kiệm chi phí ngay từ đầu năm để các bộ phận triển khai thực hiện.

1.2. Khó khăn

Công ty tiếp tục gặp những khó khăn ngày càng gay gắt hơn:

- Lực lượng lao động lành nghề giảm sút;
- Phần lớn máy móc thiết bị đã hoạt động lâu năm, độ chính xác và năng suất thấp, chất lượng sản phẩm không cao;

- Tình hình tài chính đã được cải thiện tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất;

- Thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp; Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tiếp tục có sự biến động.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2019

2.1. Các chỉ tiêu tổng hợp theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

Tóm tắt kết quả sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Thực hiện 2018	KH Đại hội cổ đông 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %	
						So với TH 2018	So với KH ĐHCĐ 2019
1	2	3	4	5	7	7/4	7/5
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.485.314	1.285.000	1.501.300	101	117
2	Tổng giá trị sản xuất	Tr.đ	504.147	413.200	525.067	104	127
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	9.898	9.000	14.219	144	149
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	7.902		7.012	89	
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn CSH	%	13,42		11,95	89	
6	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn Điều lệ	%	16,82		14,9	89	
7	Nợ ngắn hạn	Tr.đ	533.732		413.660	78	
	- Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn.		176.229		174.405	99	
8	Nợ dài hạn	Tr.đ	22.238		23.929	108	
	- Trong đó: Vay và nợ dài hạn.		18.065		20.320	112	
9	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn (=TSNH/NNH)		0,77		0,71	92	
10	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	94.105	78.778	98.707	105	125
11	Lao động bình quân trong danh sách	Ng	882	860	860	98	100
12	Thu nhập b/q theo LĐ trong danh sách	Tr.đ/ng/th	8,891	7,634	9,564	108	125
13	Cổ tức	%	10	9	10	100	111

(Các chỉ tiêu chủ yếu về kết quả SXKD, ĐTXD trong Phụ lục đính kèm Báo cáo này)

2.2. Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

2.2.1. Về chỉ tiêu doanh thu và giá trị sản xuất

- Doanh thu đạt 1.501,3 tỷ đồng/KH điều chỉnh 1.367 tỷ đồng, bằng 110% KH và bằng 117% kế hoạch đầu năm 1.285 tỷ;

- Giá trị sản xuất thực hiện 525,066 tỷ đồng/KH điều chỉnh 452,0 tỷ đồng bằng 116% kế hoạch điều chỉnh và bằng 127% KH đầu năm.

Kết quả đạt doanh thu và giá trị sản xuất vượt so với kế hoạch đầu năm do: (i) trong năm 2019 sản phẩm Than của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tiêu thụ tốt cho nên các khâu dịch vụ sản xuất Cơ khí của Công ty cũng có nhiều thuận lợi tăng theo; (ii) Công ty đã ký kết được các hợp đồng với Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát, Dự án nhà máy sàng tuyển Khe Chàm để chế tạo các thiết bị tạo nhiều việc làm cho các phân xưởng Cơ khí, kết cấu xây lắp; (iii) Việc thực hiện công tác điều hành quyết liệt cùng các giải pháp đồng bộ và phối hợp tốt các tổ chức chính trị; (iv) Cán bộ, Công nhân, Người lao động hăng hái thi đua lao động sản xuất, tăng ca, thêm giờ trong năm 2019.

2.2.2. Về sản phẩm chủ yếu

* Sửa chữa thiết bị xe máy:

Tổng số thiết bị sửa chữa hoàn thành trong năm 2019 đạt 66 máy/KHĐC 59 máy, bằng 112% KHĐC năm, bằng 116% so với cùng kỳ năm 2018.

Nhìn chung, công tác sửa chữa thiết bị đều đạt vượt mức so với kế hoạch đề ra do các đơn vị đưa vào sửa chữa theo đúng kế hoạch, tạo việc làm ổn định cho các phân xưởng sửa chữa.

* Chế tạo thiết bị:

Tổng khối lượng chế tạo thiết bị năm 2019 đạt 1.695 tấn/KHĐC 1.650 tấn, bằng 103% KHĐC năm.

* Chế tạo, phục hồi phụ tùng:

- Chế tạo vì lò: Đạt 30.535 tấn/KH 29.500 tấn, bằng 104% KH năm, bằng 105% thực hiện cùng kỳ 2018;

- Cán thép vì lò: Đạt 75.142 tấn/KHĐC 69.000 tấn, bằng 109% KHĐC năm; trong đó bán ra đạt 47.092 tấn/KHĐC 39.500 tấn, bằng 119% KH năm.

- Chế tạo phụ tùng ngành than: Đạt 402 tấn/KHĐC 400 tấn, bằng 101% KH năm;

- Phục hồi phụ tùng: Đạt 500,8 tấn/KH 500 tấn, bằng 100% KH năm;

- Về chế tạo phụ tùng cho ngành khác: Đạt 802,8 tấn/KHĐC 750 tấn, đạt 107% kế hoạch.

Công tác chế tạo, phục hồi phụ tùng đã đạt vượt mức sản lượng kế hoạch đề ra là sự cố gắng rất lớn góp phần hoàn thành vượt mức chỉ tiêu doanh thu kế hoạch năm 2019.

2.2.3. Lợi nhuận:

Đạt 14,219 tỷ/KH điều chỉnh 9,8 tỷ đồng, bằng 145% kế hoạch điều chỉnh; đạt 158% kế hoạch đầu năm (9 tỷ đồng) và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

2.2.4. Lao động và tiền lương:

Công ty đã thực hiện tinh giảm lao động để đảm bảo ổn định việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Lao động bình quân 850 người/định mức 860 người bằng 99%; Tiền lương bình quân đạt 9.564.000/KH 7.634.000 đồng/người/tháng, đạt 123% kế hoạch và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019. Năm 2019 Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, tinh giản biên chế lực lượng lao động trong danh sách. Cụ thể:

- Công tác định biên: Đã duy trì và hoạt động hiệu quả mô hình tổ chức 07 phòng; 08 phân xưởng, 01 Chi nhánh; giảm số lượng lao động quản lý, lao động phục vụ, phụ trợ là 10 người.

- Công tác xã hội hóa: Tiếp tục thuê Công ty TNHH bảo vệ Hồng Hà thực hiện dịch vụ bảo vệ vòng ngoài, đảm bảo tốt về an ninh, an toàn tài sản trong Công ty.

- Áp dụng các hình thức vận động, chuyển đổi nghề nghiệp, từng bước tinh giản lao động gián tiếp, phục vụ, phụ trợ, đồng thời thực hiện đào tạo lại để nâng cao năng lực của cán bộ, công nhân, người lao động để phù hợp với sự thay đổi.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC MẶT CÔNG TÁC

3.1. Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm

Tiếp tục làm tốt, đẩy mạnh công tác phát triển thị trường: giữ vững và phát triển thị trường trong TKV, đẩy mạnh phát triển thị trường ngoài ngành, đáp ứng nhu cầu việc làm ở mức cao cho toàn thể người lao động.

Đối với thị trường trong TKV: đã duy trì, ổn định những sản phẩm thế mạnh của Công ty (sửa chữa thiết bị mỏ, sản xuất thép vì lò, vì chống lò,...); trúng thầu công trình mới (Dự án Nhà máy sàng tuyển Khe Chàm); Nắm bắt cơ

hội, tăng năng lực sản xuất khi các đơn vị trong TKV tăng nhu cầu sử dụng sản phẩm cơ khí,...vv.

Đối với thị trường ngoài TKV: Tiếp tục ký kết được các hợp đồng chế tạo phụ tùng, thiết bị với các nhà máy cán thép của Tập đoàn Hòa Phát và một số khách hàng nhỏ.

Tuy nhiên, công tác thị trường, tìm kiếm việc làm cũng còn không ít hạn chế: chưa có giải pháp hiệu quả để khắc phục giảm thị phần cột chống, giá khung; nguy cơ giảm thị phần sửa chữa thiết bị; chưa có thêm công trình dự án lớn để tạo cân đối việc làm trung hạn như các năm trước,...vv.

3.2. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, tiêu thụ sản

Trong năm 2019, Công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, quyết liệt, từ đó đã thực hiện tốt tiến độ, chất lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trọng tâm: vì chống lò, cán thép lò, sửa chữa thiết bị,...vv.

Trong quá trình điều hành đã thực hiện kiểm điểm, đánh giá cụ thể và giải quyết các công việc chậm trễ, tồn đọng, nâng cao hiệu quả hợp giao ban sản xuất, tạo sự chuyển biến tích cực trong điều hành.

Tuy nhiên, kết quả công tác chỉ đạo điều hành một số hạn chế:

- Tiến độ sửa chữa một số thiết bị mỏ bị chậm, làm tăng chi phí đi lại, chi phí vận chuyển, nâng tải, làm giảm hiệu quả sản xuất.

- Công tác điều hành, phối hợp công việc nội bộ có lúc còn lúng túng, đã có những giải pháp quyết liệt nhưng hiệu quả đạt được chưa cao, chưa phân định rõ trách nhiệm khi công việc bị chậm hoặc không đạt kế hoạch điều hành, nhất là trong công tác điều hành vật tư, kỹ thuật.

3.3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm

- Chất lượng của sản phẩm đã được kiểm soát chặt chẽ từ khâu đầu vào, các nguyên công trong quá trình sản xuất, khâu bao gói xuất xưởng, tiếp nhận thông tin và giải quyết hài hòa các khiếu nại của khách hàng liên quan đến lĩnh vực chất lượng sản phẩm. Tiếp tục duy trì, đảm bảo tính hiệu lực, tính liên tục của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

- Tuy nhiên công tác chất lượng chưa thực sự ổn định làm ảnh hưởng tiến độ, uy tín, hoạt động SXKD của Công ty.

3.4. Công tác kỹ thuật và chế tạo sản phẩm mới

Công tác Kỹ thuật - Công nghệ đã được quan tâm đúng mức, làm cơ sở nền tảng để phát triển sản xuất. Một số giải pháp chủ yếu đã thực hiện:

- Chế tạo thép vì lò: Trên cơ sở “Giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất, khai thác tối đa năng lực Dây chuyền cán thép vì lò, thép hình U, I, L đặc chủng phục vụ khai thác hầm lò” đã ban hành theo Quyết định số 1788/QĐ-VMC ngày 15/6/2017 của Giám đốc Công ty, bổ sung, cải tiến về công nghệ và thiết bị ở các khâu, do đó đã ổn định sản xuất và có sự tăng trưởng mạnh đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng, chủng loại thép chống lò.

- Sản phẩm đúc: Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc” bằng các biện pháp kỹ thuật, tăng cường kiểm soát ở tất cả các nguyên công trong QTCN để nâng cao chất lượng sản phẩm đúc và xây dựng chương trình đầu tư đổi mới về phần mềm mô phỏng quá trình đúc nhằm loại bỏ các yếu tố gây sai hỏng ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm đúc.

- Công tác đề tài KHCN: Tổ chức triển khai thực hiện đề tài cấp TKV: “Nghiên cứu Công nghệ, chế tạo thử nghiệm 01 bánh răng m30Z144 máy xúc ЭКГ 10m³ thay thế nhập khẩu”.

- Hợp tác với các đơn vị tư vấn, với các hãng trong và ngoài nước (hãng FAMUR, BECKER - Ba Lan) để nghiên cứu, triển khai các sản phẩm máy móc thiết bị phục vụ khai thác hầm lò, phụ tùng các nhà máy tuyển khoáng, nhiệt điện, xi măng,...vv.

- Công tác sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất: Trong năm 2019 số sáng kiến được duyệt 90/107 sáng kiến với số tiền thưởng là 176.700.000 đồng; Có nhiều sáng kiến mang lại lợi ích kinh tế cao và tạo ra sự hăng hái trong thi đua lao động sáng tạo.

Hạn chế về công tác Kỹ thuật - Công nghệ:

- Chưa làm chủ phần mềm trong khâu hiệu chỉnh các thiết bị thủy lực khi sửa chữa.

- Việc kiểm tra, giám sát thực hiện các quy trình công nghệ, phương án thi công còn có lúc chưa chặt chẽ, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

3.5. Công tác đầu tư xây dựng, thực hiện các dự án

Công ty đã thực hiện công tác đầu tư xây dựng theo đúng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và đảm bảo các quy định quản lý đầu tư.

Giá trị thực hiện năm 2019 đạt: 29.463 / 30.636 triệu đồng, tương ứng đạt 96% kế hoạch, trong đó:

- Chi phí thiết bị: 29.297/30.246 triệu đồng, đạt 97% kế hoạch năm;
- Chi phí xây lắp: 0 đồng;
- Chi phí khác: 166/390 triệu đồng, đạt 43% kế hoạch năm;

Tổng số các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đã thực hiện đạt 100%.

Các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, các thiết bị đầu tư đưa vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; mở rộng quy mô sản xuất, cải thiện điều kiện môi trường làm việc, nâng cao mức độ tự động hóa, đồng bộ hóa các thiết bị trong dây chuyền sản xuất và đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành.

3.6. Công tác vật tư, kho tàng

Công tác vật tư năm 2019 đã đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất.

Giá trị tồn kho vật tư cuối kỳ giảm so với đầu kỳ. Tổng tỷ lệ tồn kho cuối kỳ so với tổng nhu cầu sử dụng năm là 3,6%; trong đó mức tương ứng đối với vật liệu là 3,8%.

Việc tổ chức mua sắm, cung ứng vật tư được thực hiện theo đúng quy chế, quy định về quản lý công tác vật tư. Các vật tư được cấp phát được căn cứ vào nhu cầu thực tế của sản xuất, vật tư nhập đến đâu được đưa vào sử dụng ngay đến đó, không để tồn kho kéo dài.

Mặc dù khối lượng vật tư luân chuyển qua các kho rất lớn, nhưng việc quản lý vật tư ở các kho được thực hiện khá tốt, trong năm không có hiện tượng hư hỏng, thất thoát vật tư.

3.7. Công tác CGH, TĐH, THH và quản lý thiết bị

- Công tác CGH, THH, TĐH: Trên cơ sở Quyết định số 1782/QĐ-VMC ngày 05/7/2019 về Chương trình ứng dụng Tự động hóa, Tin học hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2035, đã thực hiện việc nâng cao trình độ tự động hóa ở các khâu trong dây chuyền cán thép; Gắn liền việc đầu tư với tăng cường áp dụng Tin học hóa, Tự động hóa nhằm từng bước hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, nâng cao trình độ tự động hóa và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công tác quản lý thiết bị: đã thực hiện tốt các quy định về quản lý, vận hành, sửa chữa thiết bị đảm bảo duy trì năng lực thiết bị huy động phục vụ sản

xuất. 100% các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được kiểm tra, kiểm định định kỳ đảm bảo an toàn sản xuất.

- Thực hiện kế hoạch sửa chữa thiết bị:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2019		Tỷ lệ % (TH/KH)
			KH	TH	
1	Sửa chữa thường xuyên	Tr đồng	13.185	29.400	223
2	Sửa chữa đột xuất	Tr đồng	2.100	1.880	89,5
3	Sửa chữa cấp trung tu	Tr đồng	13.998	7.437	70
4	Sửa chữa cấp phục hồi	Tr đồng	8.813	8.638	98

Giá trị SCTX tăng do cao so với kế hoạch do Công ty thực hiện Kế hoạch quy hoạch nhà xưởng N^o01, N^o02 số 1851/KH-VMC ngày 15/7/2019 và sửa chữa nâng cao chất lượng, đảm bảo hoạt động ổn định của Dây chuyền cán trong năm 2020 theo Kế hoạch số 3472/KH-VMC ngày 28/11/2019.

- Công tác quản lý năng lượng:

(i) Công ty tổ chức tốt việc định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm định các thiết bị cung cấp điện theo đúng kế hoạch. Năm 2019 đã thực hiện việc sửa chữa, kiểm định định kỳ các thiết bị đo đếm và bảo vệ của hệ thống đường dây 35 kV.

(ii) Tình hình cung cấp điện năng năm 2019: Tổng sản lượng điện tiêu thụ là 11.296.430 kWh, trong đó:

- + Điện dùng cho sản xuất: 11.106.118 kWh.
- + Điện dùng cho sinh hoạt: 190.312 kWh.
- + Tổng số giờ mất điện: 40 giờ 38 phút.
- + Tổng số lần mất điện: 99 (do lưới điện 95 lần = 27 giờ 48 phút, nội bộ 04 lần = 12 giờ 50 phút).

(iii) Tình hình cung cấp nước năm 2019:

+ Nước sạch mua ngoài (TH/KH): 116.462/159.740 m³.

+ Nước qua hệ thống tuần hoàn: 430.559 m³.

Nhận xét: Tổng số các hạng mục sửa chữa thiết bị cơ điện theo kế hoạch đã thực hiện đạt 100%; công tác vận hành sửa chữa thiết bị, duy trì năng lực hoạt động của thiết bị đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu sản xuất của Công ty. Đặc biệt, trong năm đã tập trung sửa chữa hoàn thành như: Cải tạo hệ thống xử lý nước thải sau mạ (thuộc hệ thống mạ điện); Sửa chữa thay thế các tủ đóng cắt phân phối 6 kV loại hiện đại cho Máy biến thế 10.000 kVA TDHC 35/6-2; cải tạo, nâng cấp Máy doa ngang 2A635 và Máy tiện 165.

Hạn chế: Công tác sửa chữa thường xuyên như tiêu tu, bảo dưỡng có thời điểm chưa đảm bảo theo kế hoạch đã đề ra; Công tác giám sát, quản lý vận hành thiết bị chưa chặt chẽ nên vẫn còn có thiết bị hư hỏng đột xuất.

3.8. Công tác quản lý định mức, lao động, tiền lương

a) Công tác định mức

Năm 2019 thực hiện tốt công tác định mức bằng việc xây dựng bộ đơn giá tiền lương, định mức tổng hợp cho các sản phẩm, công việc thực hiện trong Công ty theo Quyết định số 1556/QĐ-VMC ngày 21/6/2019 là cơ sở cho toàn bộ việc tính toán đơn giá tiền lương, định mức phù hợp với sản xuất, khách quan, minh bạch tạo được sự ổn định cho sản xuất, ổn định tư tưởng cho người lao động và kịp thời định mức cho các mặt hàng mới đáp ứng tiến độ sản xuất.

b) Công tác quản lý lao động

- Thường xuyên tiến hành rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động theo từng ngành nghề của các phân xưởng, phòng trong Công ty để cân đối, điều động linh hoạt lao động đáp ứng cho sản xuất.

- Công tác tái cơ cấu, đổi mới quản trị nội bộ: Thực hiện chỉ đạo và hướng dẫn của TKV, năm 2019 Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, tinh giản biên chế lực lượng lao động trong danh sách. Cụ thể:

+ Về công tác định biên: Duy trì ổn định mô hình tổ chức là 07 phòng, 08 phân xưởng, 01 Chi nhánh; giảm tuyệt đối số lượng lao động quản lý, lao động phục vụ, phụ trợ là 10 người.

+ Về công tác xã hội hóa: Tiếp tục thuê Công ty TNHH bảo vệ Hồng Hà thực hiện dịch vụ bảo vệ vòng ngoài, đảm bảo tốt về an ninh, an toàn tài sản trong Công ty.

+ Tổng hợp lao động tăng, giảm trong năm 2019 như sau:

TT	Danh mục	Lao động đầu năm 2019 (Người)	Lao động đến cuối năm 2019 (Người)	Lao động tăng, giảm trong năm 2019 (Người)	Tỷ lệ lao động cuối năm 2019 (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6	7
1	Lao động quản lý	135	130	-05	16,53	
2	Lao động phục vụ, phụ trợ	85	80	-05	10,17	
3	Lao động công nghệ	581	576	-05	73,30	
	Tổng:	801	786	-15	100	

c) Công tác quản lý, điều hành quỹ tiền lương

Công ty đã quản lý tiền lương đúng theo quy chế, quy định đảm bảo tái sản xuất và nâng cao đời sống vật chất cho người lao động (NLD), kích thích NLD nâng cao năng suất lao động. Việc trả lương đảm bảo được sự công bằng hợp lý giữa những NLD công khai minh bạch, quán triệt trên nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc và chức vụ đó.

Kết quả thực hiện quản lý lao động, tiền lương:

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Thực hiện năm 2018	KH năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %	
						So với KH PHKD năm 2019	So với TH năm 2018
1	Lao động bình quân trong danh sách	Người	882	860	860	100,00	97,5
2	Tiền lương theo GTSX	Tr.đ	94.105	85.996	98.707	114,78	104,9
3	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	8.891	8.333	9.565	114,78	107,6
3.1	Lao động công nghệ	1000đ/ng/th	8.252	7.500	9.480	126,40	114,9

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Thực hiện năm 2018	KH năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %	
						So với KH PHKD năm 2019	So với TH năm 2018
3.2	Lao động phụ trợ	1000đ/ng/th	6.290	5.500	7.177	130,49	114,1
3.3	Lao động phục vụ	1000đ/ng/th	5.100	5.023	6.774	134,86	132,8
4	Năng suất lao động bình quân (theo Doanh thu trừ chi phí chưa có tiền lương)	Tr.đ /ng/th	117,92	111,39	131,31	117,88	111,4

Công ty tiếp tục duy trì cơ chế khuyến khích trả lương cho các thợ đầu ngành (chuyên gia), khuyến khích thêm tiền lương hàng tháng bằng 01 tháng lương cơ bản đối với thợ đạt danh hiệu bàn tay vàng.

** Thực hiện chế độ chính sách với người lao động*

- Nộp BHXH và quyết toán với cơ quan BHXH cấp trên kịp thời, chính xác theo đúng quy định. Thực hiện giải quyết đầy đủ các chế độ hưu trí, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng ca 3 cho các đối tượng theo đúng quy định của BHXH và quy định của Công ty.

- Công ty thực hiện các giải pháp tăng cường cải thiện điều kiện làm việc, tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và chăm sóc sức khỏe cho người lao động, tuyên truyền để nắm rõ tác hại về bệnh nghề nghiệp, cách nhận biết phòng tránh bệnh nghề nghiệp, nâng cao ý thức để bảo vệ mình tốt hơn. Công ty đã phối hợp với Bệnh viện Than - Khoáng sản tổ chức khám bệnh định kỳ, kiểm tra sức khỏe cho CB, CN, NLĐ và phân loại sức khỏe cho người lao động, lấy đó làm cơ sở phân công bố trí công việc phù hợp.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng bữa ăn giữa ca, bảo đảm tuyệt đối ATVSTP, tăng cường các biện pháp đảm bảo sức khỏe cho người lao động làm việc tại công trường trong thời tiết nắng nóng.

3.9. Công tác tài chính kế toán

Ngay từ đầu năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch tài chính để đảm bảo cho việc thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh và đầu tư phát triển sản xuất. Tuy nhiên trong năm còn một số đơn vị có số dư nợ phải thu lớn, kéo dài làm ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty.

Tình hình tài chính

*** Vay ngắn hạn**

Số dư vay ngắn hạn ngày 01/01/2019: 149,8 tỷ đồng

Vay trong năm: 427,6 tỷ đồng

Trả trong năm: 418,4 tỷ đồng

Số dư vay ngắn hạn ngày 31/12/2019: 158,9 tỷ đồng; tăng 9,1 tỷ đồng so với đầu năm.

*** Vay dài hạn**

Số dư ngày 01/01/2019: 44,5 tỷ đồng

Vay trong năm: 18,8 tỷ đồng

Trả trong năm: 27,6 tỷ đồng

Số dư ngày 31/12/2019: 35,7 tỷ đồng; giảm 8,8 tỷ đồng so với đầu năm.

*** Tình hình thanh toán nợ phải thu**

Năm 2019, công tác thu công nợ được cải thiện tốt hơn năm 2018. Số tiền thu hồi công nợ được 1.742,5 tỷ đồng/1.647,8 tỷ đồng nợ phải thu.

Số dư phải thu khách hàng ngày 01/01/2019: 295,5 tỷ đồng.

Số dư phải thu khách hàng ngày 31/12/2019: 200,8 tỷ đồng, giảm 94,7 tỷ đồng so với đầu năm.

Các khách hàng có số dư nợ lớn: Công ty CP Cơ khí mở và Đóng tàu – TKV: 39,3 tỷ đồng, Công ty Xây lắp mở TKV: 54,7 tỷ đồng.

*** Nợ phải thu khó đòi:** Các khoản khó đòi như khoản nợ của dự án nhiệt điện Sơn Động không thay đổi do các nhà thầu vẫn chưa quyết toán xong với tổng thầu HPE Trung Quốc với số tiền: 9,3 tỷ đồng, số nợ của Công ty than Nam Mẫu vay hàng hóa từ năm 2015 số tiền 19,2 tỷ đồng, các khoản nợ này đã được Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

*** Tình hình thanh toán nợ phải trả:**

Số dư phải trả người bán ngày 01/1/2019: 310,7 tỷ đồng

Tổng tiền mua vật tư, hàng hóa trong năm: 1.408,1 tỷ đồng

Tổng tiền trả người bán trong năm: 1.531,3 tỷ đồng

Số dư phải trả người bán ngày 31/12/2019: 187,5 tỷ đồng; giảm 132,2 tỷ đồng so với đầu năm, trong đó nợ Tổng Công ty Khoáng sản TKV: 14,3 tỷ đồng, Công ty CP Khoáng sản và TM Thái Nguyên: 45,3 tỷ đồng.

*** Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, thanh toán tiền lương cho CBCNV:**

Năm 2019 Công ty nộp ngân sách Nhà nước đúng thời hạn, đủ về số lượng tổng số tiền: 34,3 tỷ đồng, trong đó:

- Thuế đất: 2,3 tỷ đồng;
- Thuế Giá trị Gia tăng: 23,9 tỷ đồng;
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: 5,2 tỷ đồng;
- Thuế Thu nhập cá nhân: 0,7 tỷ đồng;
- Thuế khác: 2,1 tỷ đồng;

Thu xếp thanh toán tiền lương hàng tháng, chi các khoản thưởng, phân phối lại tiền lương và các khoản mang tính chất lương theo đúng thời hạn quy định Công ty với số tiền: 103,6 tỷ đồng.

*** Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (<i>TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn</i>)	0,78	0,71	
+ Hệ số thanh toán nhanh: [<i>(TS ngắn hạn - HTK)/Tổng nợ ngắn hạn</i>]	0,57	0,51	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,9	0,88	
+ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	9,43	7,4	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: + Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	7,01 2,41	14,2 3,02	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,005	0,004	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,13	0,106	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,013	0,013	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,075	0,091	

3.10. Công tác an ninh, an toàn, quân sự quốc phòng; Công tác phòng chống mưa bão, bảo vệ môi trường

* Công tác AT-VSLĐ, PCCC

Kế hoạch AT-VSLĐ năm 2019 gồm 5 nội dung với tổng giá trị là 6.505 triệu đồng, kết quả thực hiện kế hoạch AT-VSLĐ năm 2019 là 7.099/6.505 (triệu đồng) tương ứng đạt 109,13 % kế hoạch năm.

Ngay từ đầu năm, Công ty đã tổ chức kiện toàn bộ máy, xây dựng kế hoạch, ban hành nghị quyết liên tịch và các quy chế, quy định về công tác AT-VSLĐ, PCCC; mặt khác, tiếp tục triển khai hiệu quả các Chương trình hành động Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh.

Công ty đã tổ chức huấn luyện an toàn định kỳ cho 100% cán bộ, công nhân; huấn luyện, cấp thẻ an toàn cho trên 600 người lao động làm nghề có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ (nhóm 3), 65 An toàn vệ sinh viên (nhóm 6) theo đúng quy định.

Công ty đã trang bị đầy đủ, kịp thời các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo quy định hiện hành, tổng giá trị thực hiện đạt 1.491/1.199,39 (triệu đồng), đạt 124% kế hoạch năm

Năm 2019, Công ty không xảy ra TNLĐ nghiêm trọng, không xảy ra sự cố thiết bị loại I, loại II. Tuy nhiên vẫn còn xảy ra 08 vụ TNLĐ nhẹ làm 8 người bị thương (so với cùng kỳ năm 2018 giảm 07 vụ = 7 người). Các trường hợp TNLĐ đều được Công ty tổ chức điều tra xác định rõ nguyên nhân và nguyên nhân chủ yếu do sự chủ quan của người lao động như: Trượt ngã, va đập, thiếu quan sát, thực hiện sai quy trình,...

* Công tác an ninh trật tự và an toàn tài sản

- Công ty tiếp tục thực hiện xã hội hóa thuê dịch vụ bảo vệ, phối hợp cùng với lực lượng bảo vệ của Công ty thực hiện tốt: các kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự, an toàn tài sản và sẵn sàng trực chiến đấu trong các ngày Lễ, Tết. Thực hiện việc giám sát xuất, nhập vật tư, hàng hóa ra vào Công ty đảm bảo an ninh, an toàn tài sản trong Công ty, công trường và trên địa bàn.

- Duy trì công tác tiếp dân theo quy định; các ý kiến, kiến nghị của CB, CN, NLD được giải quyết kịp thời nên không có đơn thư khiếu nại tố cáo.

** Công tác Quân sự quốc phòng*

Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do Tập đoàn, Ban CHQS thành phố triệu tập. Thực hiện nghiêm công tác bàn giao công dân tham gia nghĩa vụ quân sự theo chỉ tiêu phân bổ của Ban CHQS thành phố Cẩm Phả (03 chiến sỹ).

** Công tác Phòng chống mưa bão – Bảo vệ môi trường*

- Công tác Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN): Công ty xây dựng kế hoạch và thực hiện đạt giá trị 2.118,8/1.873 (triệu đồng) bằng 113,1% so với kế hoạch năm. Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc tổ chức phòng chống mưa bão và PCTT- TKCN; tổ chức tốt việc theo dõi diễn biến thời tiết khi có thiên tai, triển khai các biện pháp phòng ngừa, bố trí lực lượng, phương tiện, dụng cụ ứng trực sẵn sàng 24/24h.

- Công tác Bảo vệ môi trường: Công ty xây dựng kế hoạch và thực hiện đạt giá trị 2.601/1.912 (triệu đồng) bằng 136% so với kế hoạch năm. Công ty thực hiện nghiêm túc công tác thu gom, phân loại và xử lý chất thải; duy trì vận hành các công trình bảo vệ môi trường, xử lý chất thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn khi xả thải ra môi trường. Đặc biệt, Trạm xử lý nước thải sau mạ (công đoạn mạ điện) được sửa chữa, cải tạo lựa chọn công nghệ xử lý tiên tiến để tự động hóa việc châm pha hóa chất đảm bảo ổn định chất lượng nước thải sau xử lý theo Quy chuẩn Việt Nam.

3.11. Công tác quản trị, tiết kiệm chi phí

Triển khai nghiêm túc chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo các văn bản chỉ đạo của các cấp, Công ty đã ban hành Quyết định số 4068/QĐ-VMC ngày 31/12/2018 về việc ban hành Kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2019, Quyết định số 1482/QĐ-VMC ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc Ban hành “Chương trình thực hành tiết kiệm chống

lãng phí năm 2019”. Từ đó, công tác quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được kiện toàn, triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đến tất cả các đơn vị trực thuộc và đến các tổ đội sản xuất, người lao động. Từ kết quả tiết kiệm chi phí, Công ty đã đáp ứng yêu về tiết giảm chi phí, góp phần giảm giá thành sản xuất. Lợi nhuận đạt 14,219 tỷ đồng/KH điều chỉnh 9,8 tỷ đồng đạt 145%. Các biện pháp tiết kiệm chi phí góp phần tăng lợi nhuận trong năm 2019.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn nhiều chỉ tiêu của các Phân xưởng chưa đạt được kế hoạch do Công ty giao, chưa phát huy được nhiều sáng kiến cải tiến để hợp lý hóa sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí. Giá trị hàng hỏng năm 2019 theo thống kê khoảng 290 triệu đồng, chủ yếu ở là hàng Đức, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả chung về tiết kiệm chi phí của Công ty.

3.12. Các công tác khác

Phong trào văn hoá - thể thao của Công ty tiếp tục được duy trì. Công tác thi đua tuyên truyền luôn được quan tâm bằng việc rà soát hiệu chỉnh Quy chế thi đua, khen thưởng phù hợp với các quy định hiện hành, hoạt động thi đua tuyên truyền luôn bám sát hoạt động SXKD của Công ty, kịp thời có tin bài trên đài truyền thanh và các phương tiện thông tin khác cho các ngày lễ lớn của đất nước, Ngành, Công ty góp phần quảng bá hình ảnh tốt đẹp, nâng cao uy tín của Công ty với các đối tác, với chính quyền và nhân dân địa phương.

Nhân dịp kỷ niệm 84 năm ngày Truyền thống Công nhân vùng Mỏ - Truyền thống ngành Than, Công ty đã tổ chức tôn vinh 3 Phân xưởng, 36 tổ đội về trước kế hoạch, 69 công nhân có bàn tay vàng, 08 kỹ sư giỏi. Kết quả xét danh các hiệu thi đua năm 2019: 710/786 người đạt LĐT; 115 người đạt CSTĐ cấp cơ sở, 65/77 tổ đội LĐTT, 45/77 tổ đội LĐXS; đề nghị xét 25 cá nhân đạt CSTĐ cấp Tập đoàn; 10 bằng khen Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp cho 06 cá nhân, 02 tổ, 02 phân xưởng; Bằng lao động sáng tạo cho 05 cá nhân; Bằng khen Thủ tướng cho 02 cá nhân; Huân chương lao động hạng 3 cho 01 cá nhân.

Ngoài ra, trong năm 2019 Công ty đã tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, chào mừng các ngày lễ lớn: các giải nội bộ (Giải cầu lông, hội diễn văn nghệ, Hội thi ATVSV...), tổ chức các trận giao hữu bóng đá, thể thao, các giải thi đấu thể thao của Tập đoàn TKV và của địa phương. Các hoạt động văn hóa, thể thao đã góp phần làm phong phú đời sống vật chất, tinh thần và

gắn bó, đoàn kết người lao động tạo không khí vui tươi phấn khởi, động viên CB, CN, NLĐ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Công ty đã thực hiện hoàn thành đồng bộ, vượt mức toàn diện các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh, thi đua từ 5÷63% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019.

- Thực hiện tốt công tác An toàn - VSLĐ, PCCN và bảo vệ môi trường với mục tiêu “ **An toàn - Đổi mới - Phát triển**”;

- Đẩy mạnh các hoạt động VHHT trong CNVC - LĐ tạo khí thế thi đua sôi nổi, không ngừng nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho NLĐ.

- Thực hiện tốt các hoạt động Công đoàn, đảm bảo các chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi NLĐ năm 2019;

- Thực hiện tốt các cam kết giữa NSDLĐ với NLĐ theo thỏa ước LĐTT, nội quy, quy chế và cam kết, thỏa thuận khác tại nơi làm việc;

- Trích lập, sử dụng các quỹ đúng quy định;...vv.

* Năm 2019, Công ty đã chủ động, tích cực ban hành và thực hiện các giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD trong năm, do đó thực hiện vượt mức đồng bộ các chỉ tiêu, ổn định việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, tạo sự đồng thuận cao trong Công ty. Tuy nhiên, trong việc tổ chức điều hành SXKD còn có những hạn chế, đòi hỏi Công ty phải tiếp tục có những giải pháp, phương án khắc phục để phấn đấu hoàn thành kế hoạch của năm 2020./.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2020

I. CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1.1. Mục tiêu

Mục tiêu điều hành là: Tạo việc làm ổn định để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục hoàn thiện tái cơ cấu tổ chức và lao động; hoàn thiện cơ chế quản lý, tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề.

Mục tiêu chung là: AN TOÀN – ĐỔI MỚI – PHÁT TRIỂN.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Doanh thu	Tr.đ	1.389.000	
2	Giá trị sản xuất	Tr.đ	466.000	
3	Lao động định mức	Người	870	
4	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	86.742	
5	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.đ/ng/th	8,309	
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	10.300	
7	Cổ tức	%	10	
8	Giá trị các dự án đầu tư	Tr.đ	17.278	

(Các chỉ tiêu trên về kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2020 theo Phụ lục đính kèm)

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KH SXKD NĂM 2020

2.1. Nhóm giải pháp về tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng lao động công nghệ và đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt

- Công tác tuyển dụng: Có các chính sách, biện pháp thu hút, tuyển dụng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng lao động, trong đó ưu tiên nhóm thợ cơ khí và sửa chữa thiết bị.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công nhân, người lao động trong Công ty. Triển khai thực hiện các nội dung trong Quy chế quản lý cán bộ được ban hành theo Quyết định số 2816/QĐ-VMC ngày 08/10/2019 của Hội đồng quản trị và Quy định tổ chức đánh giá

năng lực cán bộ được ban hành theo Quyết định số 2876/QĐ-VMC ngày 11/10/2019 của Giám đốc Công ty. Chủ động linh hoạt trong công tác đào tạo, kèm cặp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên và tay nghề cho CBCN; kèm cặp nghề 2 đối với những ngành nghề khó tuyển dụng và đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề để bố trí công việc.

- Công tác bố trí, sử dụng lao động: Chủ động nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất, tổ chức sản xuất và điều phối nhân lực hợp lý, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất để tăng thời gian làm việc hữu ích trong ca của người lao động; Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các đối tượng vi phạm hoặc không đảm bảo chất lượng công tác, đồng thời khuyến khích, động viên, có chính sách phù hợp đối với người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ và thực hiện tốt nhiệm vụ. Bố trí sử dụng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo định biên tại từng giai đoạn một cách linh hoạt kết hợp với việc từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, tiếp tục cơ cấu lại lao động theo kế hoạch trong lộ trình 2020 – 2025.

2.2. Nhóm giải pháp về kỹ thuật – công nghệ - thiết bị:

- Đẩy mạnh Cơ giới hóa – Tự động hóa – Tin học hóa, từng bước đầu tư hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, nâng cao trình độ tự động hóa và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động SX, kinh doanh.

- Công tác công nghệ sản xuất: Ban hành đầy đủ QTCN, Biện pháp thi công, chuẩn bị đồ gá, dao cụ,... đáp ứng sản xuất; Bám sát, làm chủ công tác sửa chữa thiết bị hỏng, nhất là quá trình lập Biên bản giám định kỹ thuật bước 2 và dự toán sửa chữa;

- Công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới: Tăng cường việc áp dụng các phần mềm trong tính toán, thiết kế; Phát triển, mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty (máy đào lò, máy xúc lật hông,...); Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác hầm lò;

- Đối với hệ thống cán thép: Tiếp tục thực hiện hệ thống các biện pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất dây chuyền cán thép nhằm ổn định sản xuất và khai thác tối đa năng lực dây chuyền cán thép đáp ứng nhu cầu về số lượng, chủng loại thép chống lò của thị trường; nghiên cứu để phát triển sản xuất các loại thép hình, thép ray trên nền dây chuyền cán thép vì lò. Triển khai đồng bộ thực hiện các nội dung trong “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc” đã được ban hành.

- Công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng. Bổ sung đầy đủ các thiết bị phân tích, đo kiểm, thử nghiệm để kiểm soát chất lượng từ các yếu tố đầu vào và trong quá trình công nghệ sản xuất đến thành phẩm. Áp dụng toàn diện các nội dung của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015,...vv trong quản lý chất lượng. Tăng cường xây dựng và đăng ký tiêu chuẩn cơ sở, đăng ký bảo hộ độc quyền sản phẩm.

- Công tác đầu tư: Thực hiện tốt kế hoạch đầu tư xây dựng, sử dụng có hiệu quả thiết bị đã đầu tư.

- Công tác cơ điện và sửa chữa nội bộ: thực hiện đúng các chế độ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị; cải tạo hệ thống nhà xưởng; Dự phòng vật tư, phụ tùng thiết yếu cho các dây chuyền, thiết bị trọng tâm (dây chuyền cán thép,...). Điều hành thực hiện kế hoạch sửa chữa tài sản các cấp đảm bảo đồng đều giữa các quý trong năm.

- Công tác môi trường: Thực hiện nghiêm túc các qui định pháp luật BVMT, Kiên trì thực hiện quản lý văn minh, tự giác theo tiêu chí 5S; Tiếp tục triển khai quyết liệt các nội dung trong chương trình Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh đã ban hành. Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn về môi trường (đặc biệt nước thải sau mạ, khí thải và bụi tại PX Cán thép, PX Đúc,...vv).

2.3. Nhóm giải pháp phát triển thị trường:

Giữ vững, đồng thời nắm bắt cơ hội để phát triển mở rộng sản phẩm và thị trường trong TKV, đồng thời phát triển mạnh mẽ thị trường ngoài ngành.

2.3.1. Đối với thị trường truyền thống trong TKV:

- Các đơn vị khai thác lộ thiên, sàng tuyển, chế biến than: Duy trì việc chế tạo chế tạo phụ tùng, thiết bị, thực hiện tốt kế hoạch PHKD trong việc sửa chữa TĐT thiết bị cho các đơn vị ngành Than, đặc biệt là đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định;

- Các mỏ khai thác than hầm lò: Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chủng loại thép chống lò, vì chống lò; Giữ vững và tăng sản lượng, số lượng, chủng loại các sản phẩm thiết bị, phụ tùng phục vụ khai thác hầm lò.

2.3.2. Thị trường khác trong và ngoài TKV:

- Nghiên cứu tham gia sâu các dự án, công trình và cung cấp hàng hóa cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện thép Cao Bằng, khu vực Lào Cai, khu vực Tây Nguyên. Đồng thời tăng cường hợp tác, liên kết, liên danh với các Viện khoa học để đầu thầu các dự án lớn của Tập đoàn, kể cả hình thức đấu

thầu EPC, trong đó chú trọng tham gia các dự án đầu tư các nhà máy sàng tuyển, chế biến, vận chuyển than; liên danh liên kết chế tạo thiết bị cho các nhà máy tuyển quặng khoáng sản như Bô - xit, sắt, than, đồng, ...vv.

- Phát triển các thị trường ngoài TKV, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản, ...: Giữ vững ổn định các thị trường hiện có, các sản phẩm mà trước đây Công ty đã từng sản xuất, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường.

2.3.3. Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường

2.4. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả các mặt quản lý – điều hành, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm để không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

- Thực hiện tốt cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa tổ chức Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Công đoàn Công ty nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vì mục tiêu chung;

- Tiếp tục siết chặt, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt quản lý; Có biện pháp kiểm soát, đánh giá, nâng cao chất lượng công tác các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định làm công hữu hiệu trong các mặt quản lý;

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ.

2.5. Nhóm giải pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối người lao động

- Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại.

- Phát động các phong trào thi đua, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV; Đa dạng hóa các hình thức biểu dương khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động, thúc đẩy các mặt của sản xuất kinh doanh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN


Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 2020, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và HĐQT Công ty, các tổ chức, đơn vị trong Công ty cần tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và các đoàn thể để chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp chi tiết triển khai thực hiện kế hoạch năm 2020 nhằm phát huy tối đa sức mạnh của cả hệ thống chính trị, phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống Công ty, thực hiện thắng lợi và toàn diện kế hoạch năm 2020 với mục tiêu **AN TOÀN – ĐỔI MỚI – PHÁT TRIỂN**.

Các tổ chức trong hệ thống chính trị cần đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn, trao đổi đến người lao động để mọi người hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, phối hợp thực hiện đạt hiệu quả cao trong tất cả các mặt sản xuất, công tác. /.

Nơi nhận

- Website: www.chetaomay.com.vn;
- Cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGĐ, KTT (e-copy);
- Lưu VT, T.ký Công ty.

**THÀNH VIÊN HĐQT
GIÁM ĐỐC**



Phạm Minh Tuấn

Phụ lục 01: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch Đ/c năm 2019	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	So sánh %			Ghi chú
							So sánh KH năm 2019 (%)	So sánh KH Đ/c năm 2019 (%)	So sánh cùng kỳ năm 2018 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9=7/5	10=7/6	11
I	Sản phẩm chủ yếu									
L1	Sửa chữa thiết bị xe máy		51	59	57	66	129	112	116	
1	Xe gạt D85A, khác	cái	8	6	9	6	75	100	67	
2	Máy xúc EKG 5A, EKG 4,6, 8u	cái	9	9	9	9	100	100	100	
3	Máy xúc nhỏ	cái	8	15	7	19	238	127	271	
3	Máy khoan xoay cầu CBIII	cái	8	10	9	9	113	90	100	
4	Máy khoan các loại	cái	2	2	1	2	100	100	200	
6	Xe máy, các thiết bị khác	cái	16	17	22	21	131	124	95	
I2	Chế tạo thiết bị	tấn	1.500	1.650	1.833	1.695	113	103	92	
1	Thiết bị ngành than	tấn	700	450	545	546	78	121	100	
	Trong đó:									
*	Chế tạo xe gồng 3T	xe	50	148	30	148	296	100	493	
*	Dàn chống thủy lực di động	dàn	50		70	-	-		-	
*	Cột chống thủy lực	cột	7.000	5.000	6.554	5.886	84	118	90	
*	Máy xúc VMC 500	máy	2	2	2	2	100	100	100	
2	Chế tạo thiết bị theo dự án trong TKV	tấn	400	400	337	347	87	87	103	
3	Thiết bị ngành khác	tấn	400	800	951	802	201	100	84	
I3	Chế tạo, phục hồi phụ tùng		1.300	1.650	95.593	1.706	131	103	2	
1	Chế tạo phụ tùng ngành than	tấn	500	400	320	402	80	101	125	
2	Chế tạo phụ tùng ngành khác	tấn	300	750	1.070,1	802,80	268	107	75	
3	Phục hồi phụ tùng	tấn	500	500	617	500,79	100	100	81	
4	Sản xuất vít chống lò	tấn	29.500	29.500	29.014	30.535	104	104	105	
5	Thép cán vít lò	tấn	65.000	69.000	64.572	75.142	116	109	116	
	Tr.đó: bán trong than		35.000	39.500	39.406	47.092,4	135	119	120	
I4	Sản xuất và kinh doanh khác	tr.đ	10.000	22.000	14.985	47.161	472	214	315	
	Sản xuất vật liệu xây dựng	tr.đ	2.500	1.500	3.585	2.893,84	116	193	81	
	Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	6.000	19.000	9.796	42.802,06	713	225	437	
	Sản xuất ô xy, Ni tơ	tr.đ	1.500	1.500	1.604	1.464,66	98	98	91	
II	Doanh thu	tr.đ	1.285.000	1.367.000	1.485.314	1.501.301	117	110	101	
II.1	Doanh thu sản xuất cơ khí	tr.đ	1.274.800	1.344.800	1.469.827	1.453.640	114	108	99	
	Bán trong ngành than	tr.đ	1.244.300	1.289.800	1.399.397	1.398.373	112	108	100	
	Bán ngoài ngành than	tr.đ	30.500	55.000	70.429	55.267	181	100	78	
II.2	Doanh thu sản xuất và dịch vụ khác	tr.đ	10.000	22.000	14.985	47.161	472	214	315	
1	XDCB tự làm và vật liệu xây dựng	tr.đ	2.500	1.500	3.585	2.894	116	193	81	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch Đ/c năm 2019	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	So sánh %			Ghi chú
							So sánh KH năm 2019 (%)	So sánh KH Đ/c năm 2019 (%)	So sánh cùng kỳ năm 2018 (%)	
2	Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	6.000	19.000	9.796	42.802	713	225	437	
3	Sản xuất ôxy, Ni tơ	tr.đ	1.500	1.500	1.604	1.465	98	98	91	
II.3	Doanh thu tài chính, khác	tr.đ	200	200	502	500	250	250	100	
III	Giá vốn	tr.đ	871.600	914.800	980.665	975.734	112	107	99	
1	Giá vốn phối thép và thép chống lò	tr.đ	866.200	896.750	966.321	940.303	109	105	97	
2	Giá vốn kinh doanh vật tư, thiết bị + thuê ngoài	tr.đ	5.400	18.050	8.147	35.430	656	196	435	
IV	Giá trị sản xuất	tr.đ	413.200	452.000	504.147	525.066	127	116	104	
1	Sản xuất cơ khí (không bao gồm giá trị thép chống lò)	tr.đ	408.400	448.050	503.506	513.336	126	115	102	
2	Sản xuất và dịch vụ khác	tr.đ	4.600	3.950	6.838	11.730	255	297	172	
	+ Sản xuất VLXD	tr.đ	2.500	1.500	3.585	2.894	116	193	81	
	+ Kinh doanh vật tư, thiết bị + thuê ngoài	tr.đ	600	950	1.649	7.372	1.229	776	447	
	+ Sản xuất ôxy, ni tơ	tr.đ	1.500	1.500	1.604	1.465	98	98	91	
V	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	tr.đ	1.275.917	1.357.203	1.475.779	1.487.082	117	110	101	
V.1	Chi phí trung gian	tr.đ	1.146.969	1.191.736	1.321.348	1.332.720	116	112	101	
V.2	Giá trị gia tăng	tr.đ	111.888	131.148	137.610	139.240	124	106	101	
1	Tiền lương	tr.đ	78.778	85.996	95.340	98.707	125	115	104	
	Trong đó: Quỹ lương VCQL	tr.đ	1.914	1.924	2.073	2.081	109	108	100	
2	Bảo hiểm xã hội, y tế, BHYT, KPCĐ	tr.đ	11.110	11.990	11.772	12.229	110	102	104	
3	KHTSCĐ	tr.đ	22.000	33.162	30.498	28.304	129	85	93	
V.3	Chi phí hoạt động tài chính khác	tr.đ	17.060	34.319	16.821	15.122	89	44	90	
*	Kết chuyển CP dở dang và huy động tồn kho	tr.đ								
VI	Lợi nhuận	tr.đ	9.000	9.797	9.535	14.219	158	145	149	
VII	Các chỉ tiêu về lao động tiền lương									
1	Đơn giá tiền lương (đ/1000 đ giá trị SX)		186	186	185	186	100	100	101	
2	Lao động bình quân theo định mức	Người	860	860	882	860	100	100	98	
3	Tiền lương bình quân người lao động	1000đ/ngt hg	7.634	8.204	8.872	9.429	124	115	106	
VII I	Kết quả thực hiện QTCP									
	Chi phí KH điều chỉnh	Tr.đ				1.545.558				
	Chi phí thực tế	Tr.đ				1.471.960				
	Tiết kiệm +, bội chi -	Tr.đ				2.769				
IX	Nộp ngân sách	Theo quy định hiện hành								

Phụ lục 02: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	Ghi chú
I	Sản phẩm chủ yếu			
1	Sửa chữa thiết bị xe máy		56	
	- Sửa chữa xe gạt D85A, D7R...	Máy	8	
	- Máy xúc EKG 4,6-5A, 8I, 10U	Máy	9	
	- Máy xúc thủy lực các loại, máy xúc đá trong lò	Máy	11	
	- Máy khoan xoay cầu	Máy	9	
	- Máy khoan thủy lực các loại	Máy	1	
	- Sửa chữa thiết bị khác	Máy	18	
2	Chế tạo thiết bị	Tấn	1.500	
	- Chế tạo thiết bị ngành than	Tấn	600	
	Trong đó:			
	+ Chế tạo toa xe 30 - 35T	Xe	-	
	+ Chế tạo giá chuyên hướng 30T	Cụm	-	
	+ Chế tạo máy xúc lật hông VMC	Máy	2	
	+ Dàn chống thủy lực di động	Dàn	50	
	+ Cột chống thủy lực	Cột	6.000	
	+ Chế tạo xe gòong 3T	Xe	50	
	- Chế tạo TB các dự án trong TKV	Tấn	400	
	- Chế tạo thiết bị ngành khác	Tấn	500	
3	Chế tạo, phục hồi phụ tùng	Tấn	1.600	
	- Chế tạo phụ tùng ngành than	Tấn	600	
	- Chế tạo phụ tùng ngành khác	Tấn	500	
	- Phục hồi phụ tùng	Tấn	500	
4	Chế tạo, cán thép SVP			
	- Chế tạo vì lò	Tấn	30.000	
	- Cán thép vì chống lò	Tấn	71.000	
	Trong đó: Bán ra	Tấn	40.500	
5	Sản xuất và kinh doanh khác	Tr.đ	27.020	
	Sản xuất vật liệu xây dựng	Tr.đ	2.500	
	Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	23.020	
	Sản xuất Ô xy - Ni tơ	Tr.đ	1.500	
II	Doanh thu	Tr.đ	1.389.000	
1	Doanh thu sản xuất sản phẩm cơ khí	Tr.đ	1.360.700	
	- Bán trong ngành than	Tr.đ	1.323.000	
	- Bán ngoài ngành than	Tr.đ	37.700	
2	Doanh thu SX và kinh doanh khác	Tr.đ	27.020	
	Sản xuất vật liệu xây dựng	Tr.đ	2.500	
	Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	23.020	
	Sản xuất Ô xy - Ni tơ	Tr.đ	1.500	
3	Doanh thu hoạt động TC & khác	Tr.đ	1.280	
III	Giá vốn	Tr.đ	921.720	
	- Giá vốn phiêi thép cán	Tr.đ	900.081	
	- Giá vốn KD vật tư, thiết bị và hoạt động tài chính	Tr.đ	21.639	
IV	Giá trị sản xuất	Tr.đ	466.000	
	Giá trị sản xuất cơ khí	Tr.đ	460.619	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	Ghi chú
	Sản xuất, dịch vụ khác	Tr.đ	5.381	
	+ Sản xuất VLXD	Tr.đ	2.500	
	+ Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	1.381	
	+ Sản xuất Ô xy, ni tơ	Tr.đ	1.500	
V	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	Tr.đ	1.378.700	
V.1	Chi phí trung gian	Tr.đ	1.238.453	
	Nguyên vật liệu	Tr.đ	1.088.341	
	Nhiên liệu	Tr.đ	40.954	
	Động lực	Tr.đ	26.342	
	Chi phí khác	Tr.đ	63.670	
	Chi phí thuê ngoài	Tr.đ	19.146	
V.2	Giá trị gia tăng (GDP)	Tr.đ	123.233	
	Khấu hao tài sản	Tr.đ	21.818	
	Tiền lương	Tr.đ	86.742	
	<i>Trong đó: VCQL</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>1.930</i>	
	Bảo hiểm xã hội, y tế, công đoàn	Tr.đ	14.673	
V.3	Chênh lệch đầu cuối kỳ	Tr.đ	-	
V.4	Chi phí hoạt động TC	Tr.đ	17.014	
VI	Lợi nhuận	Tr.đ	10.300	
	<i>Tỷ lệ LN/VCSH</i>	%	17,38	
VII	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương			
1	Lao động định mức	người	870	
	<i>Trong đó (VCQL)</i>	<i>người</i>	<i>6</i>	
2	Tiền lương bình quân doanh nghiệp	1000đ/ng/th	8.309	
	<i>Tiền lương bq người lao động</i>	<i>1000đ/ng/th</i>	<i>8.180</i>	
	<i>Tiền lương bq (VCQL)</i>	<i>1000đ/ng/th</i>	<i>26.806</i>	
	Đơn giá tiền lương (đ/1000đ giá trị SX)	đ/1000 đgtsx	182	(Không bao gồm VCQL)
VIII	Cổ tức	%	10	
IX	Nộp ngân sách		25.176	

Phụ lục 3: BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2019

DVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Kế hoạch năm 2019 TKV giao thông qua (bao gồm cả phần đã điều chỉnh/bổ sung đã được TKV phê duyệt, thông qua)										Thực hiện năm 2019												
		Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Nguồn vốn							Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Nguồn vốn							Chưa gửi ngân
			Xây dựng	Thiết bị	Quản lý, tư vấn, khác	TKV	Vốn chủ sở hữu		Phúc lợi		HDK	Vay thương mại		Xây dựng	Thiết bị	Quản lý, tư vấn, GPMB, khác	Vốn chủ sở hữu		Phúc lợi		Huy động khác			
							Tổng số	Trong đó: Vốn KHISCD	TKV	Đơn vị							Tổng số	Trong đó: Vốn KHISCD	TKV	Đơn vị				
1	2	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32		
	TỔNG SỐ (A+B+C)	30636	-	30246	390	20.778	9857	9857	-	-	-	29463	-	29297	166	14375	9486	9486	-	-	-	5602		
A	Trả nợ lãi lượng năm trước	-										-												
B	Theo kế hoạch giao thông báo (B1+B2)	30636	-	30246	390	20.778	9857	9857	-	-	-	29463	-	29297	166	14375	9486	9486	-	-	-	5602		
B1	Kế hoạch thực hiện	30596	-	30246	350	20.778	9817	9817	-	-	-	29463	-	29297	166	14375	9486	9486	-	-	-	5602		
I	Công trình chuyên tiếp	6336	-	6136	200	4295	2041	2041				6186	-	6136	50	4295	1891	1891	-	-	-	-		
*	Dự án nhóm C	6336	-	6136	200	4295	2041	2041	-	-	-	6186	-	6136	50	4295	1891	1891	-	-	-	-		
1	Đầu tư duy trì phát triển sản xuất năm 2017-2018	6336	-	6136	200	4295	2041	2041	-	-	-	6186	-	6136	50	4295	1891	1891	-	-	-	-		
II	Công trình khởi công mới	24260	-	24110	150	16483	7776	7776	-	-	-	23277	-	23161	116	10080	7595	7595	-	-	-	5602		
*	Dự án nhóm C	24260	-	24110	150	16483	7776	7776	-	-	-	23277	-	23161	116	10080	7595	7595	-	-	-	5602		
1	Dự án Phục hồi tài sản cố định năm 2019	8813		8813		6059	2755	2755				8665		8636	29	4645	2787	2787				1233		
2	Dự án Đầu tư duy trì phát triển sản xuất 2019-2020	6006		6006		4038	1968	1968				5694		5654	40	2193	606	606				2895		
3	Dự án Nâng cao năng lực sản xuất kết cấu thép	5991		5991	-	4077	1913	1913				5977		5948	29	3242	1261	1261				1474		
4	Chế tạo máy xúc lật thông VMCE 500	3450		3300	150	2310	1.140	1.140				2941		2923	18	2941	2941							
B2	Chưa bị dự án	40	-	-	40	-	40	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
*	Dự án nhóm C	40	-	-	40	-	40	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
I	Dự án Đầu tư hiện đại hóa thiết bị công nghệ	40			40	-	40	40				-		-	-	-	-	-						
C	Bổ sung ngoài kế hoạch giao thông báo (nếu có)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		

(Handwritten signature)

Phụ lục 4: KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ, THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2020

TT	Tên công trình	Đơn vị	Khối lượng	Kế hoạch năm 2020								
				Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Nguồn vốn				
					Xây dựng	Thiết bị	Quản lý, tư vấn, GPMB, khác...	Góp vốn	Ngân sách	Vay thương mại	Vốn chủ sở hữu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Tổng số (A+B+C)			26 723		25 953	770			21 002	5 721	
A	TRẢ NỢ KHỎI LƯỢNG NĂM TRƯỚC											
B	KẾ HOẠCH NĂM 2020											
B.1	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN (I-II)											
I	Công trình chuyển tiếp											
I.3	Dự án nhóm C											
1	Dự án Đầu tư duy trì phát triển sản xuất 2019-2020											
1.1	Máy tiện CNC (đường kính qua băng máy 400mm, khoảng cách chống tâm 1000mm)	Máy	1	1 870		1 870				1 496	374	
1.2	Xe ô tô tự đổ 15-18 tấn	Xe	1	1 650		1 650				1 320	330	
1.3	Xe tải thùng 20 tấn	Xe	1	2 420		2 420				1 936	484	
1.4	Máy nén khí 22 kW	Máy	1	253		253				202	51	
1.5	Máy nén khí 132 kW	Máy	1	770		770				616	154	
1.6	Chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán			300			300			240	60	
2	Dự án Nâng cao năng lực sản xuất kết cấu thép											
2.1	Chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán			150			150					150
II	Công trình khởi công mới											
II.2	Dự án nhóm B											
II.3	Dự án nhóm C											
1	Dự án Đầu tư hiện đại hóa thiết bị công nghệ											
1.1	Thiết bị nhiệt luyện bề mặt, công suất 250 kW	HT	1	1 100		1 100				880	220	
1.2	Hệ thống quản lý nhân lực (phần mềm và thiết bị kiểm soát tự động)	HT	1	440		440				352	88	
1.3	Phần mềm thiết kế công nghệ đúc	Gói	1	1 320		1 320				1 056	264	
1.4	Cầu địa hình 25 - 30 tấn	Cái	1	7 150		7 150				5 720	1 430	
1.5	Máy phát điện có bộ ATS	Máy	1	1 980		1 980				1 584	396	
1.6	Chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán			120			120					120
B.2	ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, QUY HOẠCH, CHUẨN BỊ DỰ ÁN											
III	Dự án nhóm C											
1	Dự án Nâng cao năng lực thiết bị dây chuyền cán thép											
	Lập Báo cáo KT-KT dự án			200			200					200
C	DỰ PHÒNG											
1	Dự án Nâng cao năng lực thiết bị dây chuyền cán											
1.1	Phần thiết bị	HT	1	7 000		7 000				5 600	1 400	



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 781 /QC-VMC

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO
CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ VIỆC GIÁM SÁT GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ NĂM 2019

BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA HĐQT

Kính thưa: Quý vị đại biểu, Cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị báo cáo với Đại hội đồng cổ đông 2020 về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020, nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019 TRONG NHIỆM KỲ 2018-2023

1. Nhân sự Hội đồng Quản trị

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 được Quý cổ đông tín nhiệm bầu chọn gồm có 5 thành viên và đến hết năm 2019 không có thay đổi về nhân sự, chức danh, cơ chế hoạt của HĐQT, cụ thể như sau:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG
1	Nguyễn Văn Tứ	Chủ tịch HĐQT	Kiểm nhiệm
2	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT – GD Công ty	Kiểm nhiệm
3	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
4	Lê Viết Sự	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
5	Nguyễn Anh Chung	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 27/2/2008 đã được sửa đổi bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 vào ngày 26/4/2018.

- Hàng năm HĐQT đã báo cáo Đại hội cổ đông thường niên về hoạt động của HĐQT, cụ thể về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc điều hành trong năm tài chính.

II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2019

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019

Trên cơ sở Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận thức đúng đắn các thuận lợi và khó khăn ngay từ đầu năm 2019, đưa ra những quyết sách đúng theo từng thời điểm, tình hình cụ thể, tận dụng tối đa lợi thế trong thực hiện Hợp đồng phối hợp kinh doanh trong nội bộ Tập đoàn

Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, chủ động áp dụng kịp thời chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp về quản lý

Hội đồng quản trị Công ty đã phân công công việc cụ thể ở từng nội dung, lĩnh vực công tác cho các thành viên, chỉ đạo sâu sát đối với hoạt động ban Giám đốc Công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được mục tiêu của Kế hoạch điều chỉnh đề ra. Vốn của cổ đông được bảo toàn, bảo đảm chỉ tiêu lợi nhuận, ổn định đời sống người lao động, cụ thể:

TT	Chi tiêu	Đ.vị tính	Thực hiện 2018	KH Đại hội cổ đông 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %	
						So với TH 2018	So với KH ĐHCĐ 2019
1	2	3	4	5	7	7/4	7/5
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.485.314	1.285.000	1.501.301	101	117
2	Tổng giá trị sản xuất	Tr.đ	504.147	413.200	525.066	104	127
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	9.898	9.000	14.219	144	149
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	7.902		7.012	89	
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn CSH	%	13,42		11,95	89	
6	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn Điều lệ	%	16,82		14,9	89	
7	Nợ ngắn hạn	Tr.đ	533.732		413.660	78	
	- Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn.		176.229		174.405	99	
8	Nợ dài hạn	Tr.đ	22.238		23.929	108	
	- Trong đó: Vay và nợ dài hạn.		18.065		20.320	112	
9	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn		0,77		0,71	92	
10	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	94.105	78.778	98.707	105	125
11	Lao động bình quân trong danh sách	Ng	882	860	860	98	100
12	Thu nhập b/q theo LĐ trong danh sách	Tr.đ/ng/th	8,891	7,634	9,564	108	125
13	Cổ tức	%	10	9	10	100	111

2. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên từ 2019

Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động tuân thủ Điều lệ Công ty, tuân thủ Pháp luật, tuân thủ các Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên. Hoạt động của HĐQT đều nhằm mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông, phát triển nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất kinh doanh ổn định. Trong năm 2019 đã tiến hành 10 cuộc họp và đã ban hành 10 nghị quyết chỉ đạo và thông qua với các nội dung chủ yếu sau:

- Thông qua các chỉ tiêu và kết quả thực hiện của kế hoạch sản xuất tháng, quý của Công ty;

- Thông qua việc quản lý vật tư, tài sản, sắt thép phế liệu; Xây dựng các phương án và biện pháp kỹ thuật sử dụng có hiệu quả các loại sắt thép phế liệu để đáp ứng yêu cầu thường xuyên và thực hiện theo chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.
- Thông qua phương án mô hình tổ chức, định biên và phương án sắp xếp lao động cuối năm 2018;
- Thông qua và ban hành Quyết định phê duyệt Dự toán các công trình đầu tư duy trì sản xuất hàng năm;
- Thông qua và ban hành Quyết định về Quy chế quản lý Đầu tư và xây dựng của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;
- Thông qua và ban hành Quyết định về Quy chế công tác Văn thư trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;
- Thông qua và ban hành Quyết định về Quy chế thi đua, khen thưởng Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;
- Thông qua và ban hành Quyết định về Quy chế Tổ chức hoạt động công tác Thanh tra trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;
- Thông qua và ban hành Quyết định về Quy chế Quản lý cán bộ trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;
- Thông qua và ban hành Quyết định về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài;
- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, HĐQT đã chỉ đạo, quyết nghị, phương hướng sản xuất kinh doanh hàng năm và chiến lược phát triển Công ty và giao cho Giám đốc triển khai thực hiện.

2.1. Về sử dụng vốn và hoạt động tài chính

Tình hình quản lý và sử dụng vốn: Công ty đã bảo toàn được vốn của các cổ đông, tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất. Trong năm 2019, tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn song Công ty vẫn bảo đảm được tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế với Nhà nước, thực hiện tốt quy định về nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,... thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định.

Các mặt hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng cũng như các mặt quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất,... hoàn thành toàn diện và vượt mức chỉ tiêu, yêu cầu đề ra.

2.2. Về công tác tổ chức cán bộ, phát triển nguồn nhân lực:

- Về công tác tổ chức, cán bộ:
 - + Đã có nhiều nghị quyết chuyên đề về công tác tổ chức cán bộ: xây dựng, phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ kế cận, hàng năm đều có rà soát, bổ sung.
 - + Ban hành các Quy chế quản lý làm cơ sở cho việc điều hành Công ty và các quy chế thường xuyên được rà soát hoàn thiện, trong năm đã ban hành Quyết định tổ chức đánh giá năng lực cán bộ trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

- Về công tác phát triển nguồn nhân lực: Từ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh HĐQT đã đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2019 tập trung vào các việc: Đào tạo nghề thứ 2, nghề thứ 3 và kèm cặp nâng bậc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân, bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động. Đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý.

2.3. Về công tác đầu tư xây dựng:

Căn cứ kế hoạch đã được HĐQT Công ty và Tập đoàn TKV phê duyệt, Công ty đã thực hiện kế hoạch đầu tư theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng. Cụ thể như sau:

Giá trị thực hiện năm 2019 đạt: 29.463/30.636 triệu đồng, tương ứng đạt 96% kế hoạch, trong đó:

- Chi phí thiết bị: 29.297/30.246 triệu đồng, đạt 97% kế hoạch năm;
- Chi phí xây lắp: 0 đồng;
- Chi phí khác: 166/390 triệu đồng, đạt 43% kế hoạch năm;

Tổng số các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đã thực hiện đạt 100%.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty luôn bám sát các nội dung yêu cầu, quy định của pháp luật; hướng dẫn thực hiện của các cấp, các ngành, của Tập đoàn TKV. Các dự án đầu tư đều được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được triển khai thực hiện theo luật định.

Các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, các thiết bị đầu tư đưa vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; mở rộng quy mô sản xuất, cải thiện điều kiện môi trường làm việc; nâng cao mức độ tự động hóa, đồng bộ hóa các thiết bị trong dây chuyền sản xuất và đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành..

2.4. Công tác giám sát của HĐQT

Hội đồng quản trị thực hiện thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh, nhiệm vụ giám sát cán bộ quản lý, yêu cầu bộ máy điều hành báo cáo thường kỳ, đột xuất và kịp thời các biến động trong SXKD để HĐQT có biện pháp xử lý kịp thời. Kết quả các cán bộ quản lý đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Kết quả giám sát đối với Giám đốc:

Qua việc giám sát và đánh giá kết quả công tác, cho thấy Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, chủ động ban hành và chỉ đạo quyết liệt các nhóm giải pháp. Đã chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các quy định về báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản – an toàn lao động. Vì vậy Công ty đã hoàn thành toàn diện, tốt mục tiêu: Duy trì sản xuất, giữ vững đội ngũ và ổn định đời sống của người lao động hoàn thành các chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý:

Các cán bộ quản lý được HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ đạo điều hành thực